TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIUỘC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST
Ngày: 12 - 5 - 2021
V/v: tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tạo

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Đặng Thị Mỹ Phương

2.Ông Bạch Ngọc Bay

***Thư ký phiên Tòa*:** Bà Trần Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hương Giang, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, khu phố Hòa Thuận 1, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 89/2019/TLST - DS, ngày: 19/3/2019 về việc tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1.Anh Lê Hoàng L, sinh năm 2000.

2.Chị Lê Ngọc Thanh T, sinh năm 1997.

3.Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Số 368/793, đường C, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, anh L là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh L. Giấy ủy quyền ngày 28/9/2020, ông Đ có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Lê Ngọc Thanh T, anh Lê Hoàng L, sinh năm 2000. Địa chỉ: số 368/793, đường C, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh L có mặt. Giấy ủy quyền ngày 15/3/2019.

Bị đơn:

Ông Trần Văn B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện C, tỉnh L, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Bà Phạm Thị H, sinh năm 1945.

Địa chỉ: 368/793, đường C, Phường 5, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo ủy quyền của bà Hu, ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh L. Giấy ủy quyền ngày 02/10/2020, ông Đ có mặt.

2.Bà Hồ Kim Q, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện C, tỉnh L, bà Q là vợ ông B, bà Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng L, bà Nguyễn Thị Kim P do ông Nguyễn Văn Đ đại diện, chị T do anh L đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ căn cứ Trích đo địa chính số 280 ngày 02/6/2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất T, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 03/6/2020 yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn B và bà Hồ Kim Qtrả lại cho anh L, bà P và chị T diện tích 145,4m^2, loại đất ONT, là một phần thửa đất 850, 872 có các vị trí: D, D1, D2, D3, D5 và F1, F2 đều thuộc tờ bản đồ số 1, đất tại ấp P, xã Ph, huyện C, tỉnh L.

Bà Nguyễn Thị Kim P kết hôn với ông Lê Anh H vào ngày 03/10/1994. Năm 2009, ông Lê Anh H nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn Ch là em ruột của ông Trần Văn B 150m^2 đất thổ, thửa 850, trích đo thửa đất có 02 cạnh chiều ngang là 5m và 02 cạnh chiều dài là 30m, ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/11/2009; Năm 2010, ông H có nhận chuyển nhượng thêm của ông Trần Văn Ch thửa 872, ngang 05m bằng chiều ngang thửa 850, loại đất thổ, diện tích là 118m^2, ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sửa đụng đất ngày 16/4/2010. Ông H là người nhận chuyển nhượng đất của ông Ch và cũng là người thỏa thuận xác định ranh giới 02 thửa đất 850 và 872 vào thời điểm năm 2009 và năm 2010. Năm 2018, ông H có nhu cầu sử dụng các thửa đất 850 và 872, ông Trần Văn B là người có thửa đất ở phía sau (thuộc thửa 505) xác định trong 02 thửa đất 850 và 872 của ông H đã đứng tên có chiều ngang 3,5m là đất của ông B. Ông B không cho ông H sử dụng đủ diện tích hai thửa 850 và 872 mà ông H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H làm đơn khởi kiện ông B nhưng không thỏa thuận được tại cấp xã, khi hồ sơ tranh chấp quyền sử dụng đất của ông H chuyển đến Tòa án thì ngày 08/3/2019, ông H chết. Sau khi ông H chết vợ và các con ông H khởi kiện ông Trần Văn B yêu cầu ông B trả đất.

Ranh giới 02 thửa đất 850 và 872 ông H nhận chuyển nhượng của ông Ch đã xác định bằng trụ bê tông. Ông H sử dụng đất vào năm 2018 phát hiện trụ bê tông làm ranh giới của 02 thửa đất 850 và 872 bị dời không còn đúng vị trí như trong trích đo khi nhận chuyển nhượng đất.

Tháng 12/2020, trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án, ông Trần Văn Bạc đem trụ điện tròn cắm trên thửa đất 850 của ông H đứng tên, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông B dời trụ điện ra ngoài thửa đất 850 trả quyền sử dụng đất thuộc thửa 850 cho các nguyên đơn.

Bị đơn ông Trần Văn B trình bày:

Ông Trần Văn B nhận chuyển nhượng 01 phần đất thổ thuộc thửa đất 435 của ông Trần Văn Ch tách thành thửa 505, diện tích 1.500m^2 đất thổ. Từ điện tích 1.500m^2 này ông B chuyển quyền cho 03 người khác gồm: bà Nguyễn Thị Kim L tách từ thửa đất 505 thành thửa 596, diện tích là 100m^2; ông B chuyển quyền cho bà Nguyễn Thị Mộng C một phần thửa 505 thành thửa 831, diện tích là 143m^2; ông B chuyển quyền cho Nguyễn H thửa 849 tách từ thửa 505, diện tích là 270m^2, đối với ông Hoàng và bà C thủ tục chuyển quyền lập vào năm 2009, các người ông B chuyển nhượng quyền sử dụng đất tách từ thửa đất 505, bà C và ông Hoàng chưa sử dụng đất.

Ông B nhận chuyển quyền sử dụng đất từ người em ruột là ông Trần Văn Ch, diện tích 1.500m^2 đất thổ, ông B yêu cầu đo đất cho ông B đủ diện tích 1.500m^2, còn dư thì trả lại cho bên nguyên đơn

Căn cứ trích đo địa chính số 280 ngày 02/6/2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất T đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 03/6/2020. Ông B đồng ý với Trích đo và đồng ý giá đất theo chứng thư thẩm định giá của Công ty H. Hai thửa đất 850 và 872, bên người thừa kế của ông H xác định ranh như trích đo ngày 02/6/2020 là không đúng. Theo ông B ranh đất của thửa 850 và 872 của ông H cách cách thửa đất 879 là 1,5 m chiều ngang, có nghĩa là đất mà ông H nhận chuyển nhượng của ông Ch chỉ còn 1,5m chiều ngang, cạnh phía sau đối diện chiều ngang là 2,8m, diện tích đất của ông H nhận chuyển nhượng của ông Ch chỉ còn lại là D4 là 50,5m^2 và phần F là 59m^2 tổng cộng là 109,5m^2, mất 158,5m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H đứng tên; diện tích 145,4m^2, loại đất ONT các người thừa kế ông H kiện đòi là của ông B thuộc thửa 505, vì khi ông H nhận chuyển nhượng đất của ông Ch không báo cho ông B biết để xác định ranh.

Trong 05m chiều ngang thửa đất 850 mà ông H đứng tên có 3,5m chiều ngang là đất của ông B cho nên tháng 12/2020, ông B cắm trụ điện tròn lớn ngay ranh để sử dụng. Đất của ông B nên ông B không trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn và không dời trụ điện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Phạm Thị H do ông Nguyễn Văn Đ đại diện không có ý kiến.

Tranh luận tại phiên tòa, bên nguyên đơn căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 850, 872 và Trích đo địa chính ngày 02/6/2020 yêu cầu ông B, bà Qtrả 145,4m^2, loại đất ONT, là một phần thửa đất 850, 872 có các vị trí: D, D1, D2, D3, D5 và F1, F2 đều thuộc tờ bản đồ số 1, đất tại ấp P, xã Ph, huyện C, tỉnh L và cầu ông B, bà Qdời trụ điện tròn ra ngoài thửa đất 850 để các nguyên đơn sử dụng đất.

Bị đơn ông Trần Văn B tranh luận khi ông H mua đất của ông Ch, ông B không ký giáp ranh, nay vợ chồng ông Ch đã chết, ông H kiện đòi ông B trả đất, ông B xác định 3,5m chiều ngang thuộc các thửa đất 850 và 872 là thuộc quyền sử dụng của ông B, ông B cắm trụ điện ngay ranh cho nên không trả đất và cũng không dời trụ điện.

Bà Phạm Thị Hdo ông Nguyễn Văn Đ đại diện không tranh luận gì thêm:

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm:

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán như thụ lý đúng thẩm quyền, xác định tư

cách người tham gia tố tụng chính xác, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ông Lê Anh H là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Ch là em ruột ông B, nhà gần nhà của ông B, ông H đứng tên 02 thửa đất thổ là 850 và 872 vào năm 2009 và năm 2010. Ông Ch chuyển nhượng đất cho ông H từ thửa 435 và cũng thửa đất này năm 2003, ông Ch chuyển cho ông B 1.500m^2 đất thổ. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Trích đo địa chính thửa đất 505 của ông Trần Văn B đứng tên phía Bắc có chiều ngang giáp với đường công cộng, ông B đã chuyển nhượng hết đất chiều ngang giáp với lối đi công cộng. Thửa đất 850 của ông H phía tây giáp thửa 831 của bà Nguyễn Thị Mộng C không phải là đất của ông B, ông B cho rằng 3,5m đất chiều ngang tại thửa 850 là của ông B là không có căn cứ. Ông B xác định không lấn chiếm đất ông H nhưng ông B không đồng ý ranh đất theo trích đo của 02 thửa đất 850 và 872 ông H đứng tên. Ông B đang sử dụng đất của ông H để nuôi gà và cắm trụ điện. Đất ông H đứng tên vợ con ông H sử dụng, ông B ngăn cản và sử dụng để nuôi gà, cắm trụ điện. Có đủ căn cứ xác định ông B chiếm quyền sử dụng đất của nguyên đơn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông B, bà Q trả diện tích 145,4m^2, loại đất ONT, dời trụ điện tròn trên thửa đất 850 để trả quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn.

Quá trình tố tụng:

Tòa án thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn B nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Ch thửa đất 505, diện tích là 1.500m^2 đất thổ. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B không có trích đo, diện tích chuyển nhượng 1.500m^2 chỉ thể hiện trong hợp đồng là thửa 505 tách từ thửa 435, trong biên bản họp về việc hộ gia đình và cá nhân xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất có đề diện tích chuyển là 1.500m^2, diện tích còn lại là 1.484m^2. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện C xác nhận vào ngày 10/02/2003.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của của bà L, ông Hoàng, bà C, ông H Tòa án thu thập đầy đủ đều có thể hiện trích đo trong hồ sơ khi làm thủ tục chuyển quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Hồ Kim Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà Hồ Kim Quang.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà P, chị T, anh L do ông Nguyễn Văn Đ đại diện yêu cầu ông Trần Văn B trả cho các nguyên đơn 145,4m^2, loại đất ONT, là một phần thửa đất 850, 872 có các vị trí: D, D1, D2, D3, D5 và F1, F2. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, căn cứ vào Trích đo địa chính số 280 ngày 02/6/2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất T đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 03/6/2020. Thửa đất 505 của ông Trần Văn B có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.500m^2, loại đất ONT, tờ bản đồ số 01, đất tại ấp P, xã Ph, huyện C, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B cũng như các thửa đất mà ông B tách ra từ thửa 505 cho ba người gồm, bà L, ông Hoàng và bà C đều thiếu diện tích so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử đất. Ông B yêu cầu đo thửa 505 phải đủ 1.500m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng hồ sơ ông B nhận chuyển nhượng của ông Ch vào năm 2003 không có trích đo địa chính để xác định vị trí diện tích thửa đất 505 của ông B.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy phần đất của ông H là thửa đất 850 và 872 phía Tây không giáp với thửa đất 505 của ông B, giáp với thửa đất 831 của bà C do ông B chuyển quyền từ thửa 505 vào năm 2009. Ông B cho rằng thửa đất 850 và thửa 872 của ông H chiều ngang giáp đường công cộng là 1,5m, nhưng theo trích đo địa chính số 280 ngày 02/6/2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất T, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 03/6/2020 thể hiện 3,5m chiều ngang giáp lối đi công cộng (phía bắc) của thửa đất 850 là một phần của thửa 850 ông H là người đứng tên. Ông B là người xác định ranh của thửa đất 505 của ông không chính xác, chiều ngang của thửa đất 850 và 872 đều 05m, theo trích đo thể hiện đúng, phù hợp với trích đo có trong các hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất của ông Lê Anh H với ông Trần Văn Ch vào năm 2009, năm 2010. Tất cả các thửa đất được tách ra từ thửa đất 505 của ông B đứng tên và thửa đất 850 và 872 của ông H tách ra từ thửa 435 của ông Ch đứng tên đều thiếu diện tích so với giấy chứng nhận. Trong đó thửa đất 850 giáp đường đi công cộng thiếu 12,9m^2. Sự chênh lệch trên do tỷ lệ 02 tờ bản đồ khác nhau và trích đo địa chính tại thời điểm năm 2003, ông B nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có trích đo. Ông B cho rằng ông H nhận đất của ông Ch là em của ông nhưng không xác định ranh chính xác dẫn đến thiếu đất đi kiện đòi ông B là không có căn cứ.

[2.3] ông B khai không chiếm đất của các nguyên đơn nhưng lại nuôi gà cấm trụ điện trên thửa đất 850 của ông Lê Anh H đứng tên, thửa đất 850 của ông H đứng tên phía tây giáp thửa đất 831 của bà C, phía đông giáp với thửa đất 879 của ông Võ Quốc K, nhưng ông B cho rằng 3,5m chiều ngang của thửa 850 và 58,8m^2 một phần thửa 872 là thuộc quyền sử dụng của ông B là không có căn cứ. Từ các phân tích trên xác định ông B đã chiếm 145,4m^2, loại đất ONT, là một phần thửa đất 850, 872 có các vị trí: D, D1, D2, D3, D5 và F1, F2, 02 thửa đất này ông H đã nhận chuyển nhượng từ

ông Ch năm 2009 và năm 2010. Trong quá trình tố tụng, ông B cắm trụ điện tại thửa đất 850 vào tháng 12/2020, thời điểm này các bên đang tranh chấp đất chưa giải quyết xong. Trích đo địa chính ngày 02/6/2020 là căn cứ vào diện tích và vị trí phần đất mà ông B và ông Ch đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2009, năm 2010 tách ra từ các thửa đất 435 và thửa 505 của ông Ch và ông B. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các người thừa kế của ông Lê Anh H, buộc ông Trần Văn B và bà Trần Kim Q phải có nghĩa vụ trả cho bà P, anh L và chị T 145,4m^2, loại đất ONT, là một phần thửa đất 850, 872 có các vị trí: D, D1, D2, D3, D5 và F1, F2 và dời trụ điện tròn trên thửa đất 850 để trả quyền sử dụng đất cho các nguyên đơn.

[3] Chi phí tố tụng đo đạt thẩm định giá phần đất tranh chấp là 18.050.000 đồng, bên nguyên đơn đã nộp đủ, chi phí này bên ông B và bà Q phải chịu, buộc ông B và bà Q trả cho các nguyên đơn chi phí trên.

[4] Về án phí: Ông B bà Q mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí trả quyền sử dụng đất và 300.000 đồng án phí dời trụ điện ra ngoài thửa đất 850 của ông H đứng tên. Ông B được miễn án phí theo quy định, bà Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 158, 175, 189 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 166 của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn anh Lê Hoàng L, bà Nguyễn Thị Kim P do ông Nguyễn Văn Đ đại diện, chị Lê Ngọc Thanh T do anh Lê Hoàng L đại diện về việc đòi lại quyền sử dụng đất đối với ông Trần Văn B.

Buộc ông Trần Văn B, bà Hồ Kim Q có nghĩa vụ trả cho anh Lê Hoàng L, chị Lê Ngọc Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim P 145,4m^2, loại đất ONT, là một phần thửa đất 850, 872 có các vị trí: D, D1, D2, D3, D5 và F1, F2.

Phần đất trên có tứ cận như sau: Bắc giáp với lối đi công cộng dài 3,5m; Nam giáp với thửa 40 dài 2,2m; Đông giáp với phần còn lại của thửa 850 dài 27,6m và phần còn lại của thửa 872 dài 23,6m; Tây giáp với thửa 831 dài 17,6m và thửa 505 dài 2,3m, 7,3m và 23,6m.

Buộc ông Trần Văn B và bà Hồ Kim Q có nghĩa vụ dời trụ điện tròn cắm trên thửa đất 850 để trả quyền sử dụng đất cho anh Lê Hoàng L, chị Lê Ngọc Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim P.

Vị trí và diện tích phần đất trên theo Trích đo địa chính số 280 ngày 02/6/2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc nhà đất T, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 03/6/2020.

Buộc ông Trần Văn B và bà Hồ Kim Q trả cho các nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Kim P đại diện chi phí tố tụng là 18.050.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí:

Ông Trần Văn B được miễn án phí, bà Hồ Kim Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho các nguyên đơn anh Lê Hoàng L, chị Lê Ngọc Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim P 3.228.000 đồng tạm ứng án phí theo phiếu thu số 0009902 ngày 19/3/2019 và 8.110.000 đồng theo phiếu thu số 0008477 ngày 07/4/2021 đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh L**;**
-VKSND huyện C;
- Chi cục THADS Huyện C;
- Đương sự;
- Lưu**./.**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Lê Ngọc Tạo